

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện Phước Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ các Thông tư của Bộ, ngành hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam quy định về phân cấp, quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế công chức các tổ chức hành chính, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Quảng Nam;

Theo đề nghị của UBND huyện Phước Sơn tại Tờ trình số 33/TTr-UBND ngày 28/3/2024 và Sở Nội vụ tại Tờ trình số 306/TTr-SNV ngày 29/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh - Truyền hình, Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp và Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Phước Sơn, cụ thể như sau:

- Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh - Truyền hình: 20 vị trí.
 - Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý: 02 vị trí;
 - Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành: 09 vị trí;
 - Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung: 05 vị trí;
 - Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ: 04 vị trí.

2. Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp: 13 vị trí.

- Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý: 02 vị trí;
- Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành: 05 vị trí;
- Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung: 04 vị trí;
- Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ: 02 vị trí.

3. Ban Quản lý rừng phòng hộ: 10 vị trí.

- Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý: 02 vị trí;
- Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành: 02 vị trí;
- Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung: 04 vị trí;
- Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ: 02 vị trí.

(Phụ lục I, II, III kèm theo)

4. Cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp:

a) Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh - Truyền hình:

- Chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương: 84,21%.
- Chức danh nghề nghiệp hạng IV và tương đương: 15,79%.

b) Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp: Chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương: 100%.

c) Ban Quản lý rừng phòng hộ:

- Chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương: 77,78%.
- Chức danh nghề nghiệp hạng IV và tương đương: 22,22%.

(Phụ lục IA, IB, IIA, IIB, IIIA, IIIB kèm theo)

Điều 2. Ủy quyền cho UBND huyện Phước Sơn trên cơ sở Thông tư hướng dẫn của Bộ Nội vụ, các Bộ chuyên ngành và tình hình thực tế địa phương, thực hiện phê duyệt Bản mô tả công việc, khung năng lực từng vị trí việc làm của Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh - Truyền hình, Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp và Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Phước Sơn; đồng thời, rà soát, cập nhật quy định để hoàn chỉnh, sửa đổi, bổ sung (nếu có). Thời gian ủy quyền: từ ngày ký Quyết định đến ngày 31/12/2024.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. UBND huyện Phước Sơn có trách nhiệm:

a) Tổ chức triển khai, thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức theo vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt; thực hiện nghiêm chủ trương tinh giản biên chế theo quy định. Bố trí viên chức theo vị trí việc làm, cơ cấu viên chức đảm bảo phù hợp với số lượng biên chế viên chức được cấp thẩm quyền giao hằng năm.

b) Thực hiện các nhiệm vụ được ủy quyền theo quy định. Hoàn thành việc phê duyệt Bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày UBND tỉnh ký Quyết định phê duyệt danh mục vị trí việc làm; đồng thời, tiếp tục cập nhật quy định để hoàn chỉnh, sửa đổi, bổ sung (nếu có).

c) Tổng hợp những khó khăn, vướng mắc, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) xem xét, điều chỉnh, bổ sung vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp (nếu có) theo quy định.

2. Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc chấp hành các quy định về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và quản lý, sử dụng biên chế viên chức của UBND huyện Phước Sơn theo đúng quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các Quyết định trước đây của UBND tỉnh trái với Quyết định này bị bãi bỏ.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch UBND huyện Phước Sơn, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Nội vụ (b/c);
- TT TU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các Phó CT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, NCKS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Quang Bửu

Phụ lục I

DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA TRUNG TÂM VĂN HÓA - THỂ THAO VÀ TRUYỀN THANH - TRUYỀN HÌNH HUYỆN PHƯỚC SƠN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	Mã VTVL	Tên VTVL	Ghi chú
TỔNG CỘNG: 20 VTVL			
I	VỊ TRÍ VIỆC LÀM LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ (02 VTVL)		
1	LĐQL.01.01	Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập	
2	LĐQL.02.02	Cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập	
II	VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH (09 vị trí)		
1	NVCN.01.03	Thư viện viên hạng III	
2	NVCN.02.04	Di sản viên hạng III	
3	NVCN.03.05	Hướng dẫn viên văn hoá hạng III	
4	NVCN.04.06	Biên tập viên hạng III	
5	NVCN.05.07	Tuyên truyền viên văn hoá	
6	NVCN.06.08	Huấn luyện viên hạng III	
7	NVCN.07.09	Phóng viên hạng III	
8	NVCN.08.10	Phát thanh viên hạng III	
9	NVCN.09.11	Kỹ thuật viên hạng IV	
III	VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN DÙNG CHUNG (05 vị trí)		
1	CMDC.01.12	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	
2	CMDC.02.13	Văn thư viên	
3	CMDC.03.14	Lưu trữ viên hạng IV	
4	CMDC.04.15	Kế toán viên	
5	CMDC.05.16	Nhân viên thủ quỹ	
IV	VỊ TRÍ VIỆC LÀM HỖ TRỢ, PHỤC VỤ (04 vị trí)		
1	HTPV.01.17	Nhân viên kỹ thuật	
2	HTPV.02.18	Nhân viên phục vụ	
3	HTPV.03.19	Nhân viên lái xe	
4	HTPV.04.20	Nhân viên bảo vệ	

Phụ lục IA
CƠ CẤU HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM
CỦA TRUNG TÂM VĂN HÓA - THỂ THAO VÀ TRUYỀN THANH - TRUYỀN HÌNH
HUYỆN PHƯỚC SƠN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2024
của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	Mã VTVL	Tên VTVL	Hạng chức danh nghề nghiệp	Cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức	
				Số lượng người làm việc	Tỷ lệ %
		TỔNG CỘNG		22	
I	VỊ TRÍ VIỆC LÀM LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ (02 VTVL)			03	
1	LĐQL.01.01	Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập		01	
2	LĐQL.02.02	Cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập		02	
II	VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH (09 VTVL)			17	
3	NVCN.01.03	Thư viện viên hạng III	Hạng III	01	5.26%
4	NVCN.02.04	Di sản viên hạng III	Hạng III	01	5.26%
5	NVCN.03.05	Hướng dẫn viên văn hoá hạng III	Hạng III	03	15.79%
6	NVCN.04.06	Biên tập viên hạng III	Hạng III		
7	NVCN.05.07	Tuyên truyền viên văn hoá	Hạng III	01	5.26%
8	NVCN.06.08	Huấn luyện viên hạng III	Hạng III	01	5.26%
9	NVCN.07.09	Phóng viên hạng III	Hạng III	03	15.79%
10	NVCN.08.10	Phát thanh viên hạng III	Hạng III	04	21.05%
11	NVCN.09.11	Kỹ thuật viên	Hạng IV	03	15.79%
III	VTVL NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN DÙNG CHUNG (05 VTVL)			02	
12	CMDC.01.12	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên	01	5.26%
13	CMDC.02.13	Văn thư viên	Văn thư viên		
14	CMDC.03.14	Lưu trữ viên hạng IV	Hạng IV		
15	CMDC.04.15	Kế toán viên	Kế toán viên	01	5.26%
16	CMDC.05.16	Nhân viên thủ quỹ	Nhân viên thủ quỹ		
IV	VỊ TRÍ VIỆC LÀM HỖ TRỢ, PHỤC VỤ (04 VTVL)				
17	HTPV.01.17	Nhân viên kỹ thuật			
18	HTPV.02.18	Nhân viên phục vụ			
19	HTPV.03.19	Nhân viên lái xe			
20	HTPV.04.20	Nhân viên bảo vệ			

Phụ lục IB

TỔNG HỢP CƠ CẤU HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA TRUNG TÂM VĂN HÓA - THỂ THAO VÀ TRUYỀN THANH - TRUYỀN HÌNH HUYỆN PHƯỚC SƠN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	Hạng chức danh nghề nghiệp	Cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức	
		Số lượng người làm việc	Tỷ lệ %
1	Chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương	16	84.21%
2	Chức danh nghề nghiệp hạng IV và tương đương	3	15.79%
Tổng		19	100%

Phụ lục II
DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA TRUNG TÂM KỸ THUẬT
NÔNG NGHIỆP HUYỆN PHƯỚC SƠN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2024
của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	Mã VTVL	Tên VTVL	Ghi chú
TỔNG CỘNG: 13 VTVL			
I	VỊ TRÍ VIỆC LÀM LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ (02 VTVL)		
1	LĐQL.01.01	Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập	
2	LĐQL.02.02	Cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập	
II	VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH (05 vị trí)		
1	NVCN.01.03	Bảo vệ thực vật hạng III	
2	NVCN.02.04	Kiểm nghiệm cây trồng hạng III	
3	NVCN.03.05	Khuyến nông hạng III	
4	NVCN.04.06	Chẩn đoán bệnh động vật hạng III	
5	NVCN.05.07	Kiểm tra vệ sinh thú y hạng III	
III	NHÓM NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN DÙNG CHUNG (04 vị trí)		
1	CMDC.01.08	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	
2	CMDC.02.09	Văn thư viên	
3	CMDC.03.10	Kế toán viên	
4	CMDC.04.11	Nhân viên thủ quỹ	
IV	VỊ TRÍ VIỆC LÀM HỖ TRỢ, PHỤC VỤ (02 VTVL)		
1	HTPV.01.12	Nhân viên phục vụ	
2	HTPV.02.13	Nhân viên bảo vệ	

Phụ lục II A

CƠ CẤU HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM
CỦA TRUNG TÂM KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP HUYỆN PHƯỚC SƠN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2024
của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	Mã VTVL	Tên VTVL	Hạng chức danh nghề nghiệp	Cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức	
				Số lượng người làm việc	Tỷ lệ %
		TỔNG CỘNG		15	
I	VỊ TRÍ VIỆC LÀM LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ (02 VTVL)			03	
1	LĐQL.01.01	Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện		01	
2	LĐQL.02.02	Cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện		02	
II	VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH (05 VTVL)			10	
3	NVCN.01.03	Bảo vệ thực vật hạng III	Hạng III	02	16.67%
4	NVCN.02.04	Kiểm nghiệm cây trồng hạng III	Hạng III	02	16.67%
5	NVCN.03.05	Khuyến nông hạng III	Hạng III	02	16.67%
6	NVCN.04.06	Chẩn đoán bệnh động vật hạng III	Hạng III	02	16.67%
7	NVCN.05.07	Kiểm tra vệ sinh thú y hạng III	Hạng III	02	16.67%
III	VTVL NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN DÙNG CHUNG (04 VTVL)			02	
8	CMDC.01.08	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên	01	8.33%
9	CMDC.02.09	Văn thư viên	Văn thư viên		
10	CMDC.03.10	Kế toán viên	Kế toán viên	01	8.33%
11	CMDC.04.11	Nhân viên thủ quỹ	Nhân viên		
IV	VỊ TRÍ VIỆC LÀM HỖ TRỢ, PHỤC VỤ (02 VTVL)				
12	HTPV.01.12	Nhân viên phục vụ			
13	HTPV.02.13	Nhân viên bảo vệ			

Phụ lục IIB

**TỔNG HỢP CƠ CẤU HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
VIÊN CHỨC THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA TRUNG TÂM
KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP HUYỆN PHƯỚC SƠN**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2024
của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	Hạng chức danh nghề nghiệp	Cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức	
		Số lượng người làm việc	Tỷ lệ %
1	Chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương	12	100%
Tổng		12	100%

Phụ lục III

DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA BAN QUẢN LÝ RỪNG PHÒNG HỘ HUYỆN PHƯỚC SƠN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2024
của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	Mã VTVL	Tên VTVL	Ghi chú
		TỔNG CỘNG: 10 VTVL	
I	VỊ TRÍ VIỆC LÀM LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ (02 VTVL)		
1	LĐQL.01.01	Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập	
2	LĐQL.01.02	Cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập	
II	VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH (02 vị trí)		
1	NVCN.02.03	Quản lý bảo vệ rừng hạng III	
2	NVCN.02.04	Quản lý bảo vệ rừng hạng IV	
III	VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN DÙNG CHUNG (04 vị trí)		
1	CMDC.03.05	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	
2	CMDC.03.06	Văn thư viên	
3	CMDC.03.07	Kế toán viên	
4	CMDC.03.08	Nhân viên thủ quỹ	
IV	VỊ TRÍ VIỆC LÀM HỖ TRỢ, PHỤC VỤ (02 vị trí)		
1	HTPV.04.09	Nhân viên phục vụ	
2	HTPV.04.10	Nhân viên bảo vệ	

Phụ lục IIIA

CƠ CẤU HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA BAN QUẢN LÝ RỪNG PHÒNG HỘ HUYỆN PHƯỚC SƠN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	Mã VTVL	Tên VTVL	Hạng chức danh nghề nghiệp	Cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức	
				Số lượng người làm việc	Tỷ lệ %
		TỔNG CỘNG		12	
I	VỊ TRÍ VIỆC LÀM LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ (02 VTVL)			03	
1	LDQL.01.01	Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập		01	
2	LDQL.01.02	Cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập		02	
II	VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH (02 VTVL)			07	
3	NVCN.02.03	Quản lý bảo vệ rừng hạng III	Hạng III	05	55.56%
4	NVCN.02.04	Quản lý bảo vệ rừng hạng IV	Hạng IV	02	22.22%
III	VTVL NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN DÙNG CHUNG (04 VTVL)			02	
5	CMDC.03.05	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên	01	11.11%
6	CMDC.03.06	Văn thư viên	Văn thư viên		
7	CMDC.03.07	Kế toán viên	Kế toán viên	01	11.11%
8	CMDC.03.08	Nhân viên thủ quỹ	Nhân viên		
IV	VỊ TRÍ VIỆC LÀM HỖ TRỢ, PHỤC VỤ (02 VTVL)				
9	HTPV.04.09	Nhân viên phục vụ			
10	HTPV.04.10	Nhân viên bảo vệ			

Phụ lục IIB

**TỔNG HỢP CƠ CẤU HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
VIÊN CHỨC THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA BAN QUẢN LÝ
RỪNG PHÒNG HỘ HUYỆN PHƯỚC SƠN**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2024
của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	Hạng chức danh nghề nghiệp	Cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức	
		Số lượng người làm việc	Tỷ lệ %
1	Chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương	7	77.78%
2	Chức danh nghề nghiệp hạng IV và tương đương	2	22.22%
Tổng		9	100%